

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HSST

Ngày: 16/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Nguyễn Huy Hiên.

Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Thanh Việt – Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*

Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2021/HSST- QĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Minh A, sinh năm: 1976 tại Bình Định; nơi cư trú: P, phường Q, quận R, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông: M, sinh năm 1933 và bà N, sinh năm 1935; chồng: H, sinh năm 1972, con: Có 03 người, lớn nhất 24 tuổi, nhỏ nhất 12 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Thị Thanh B, sinh năm: 1979 tại Bình Định; nơi cư trú: X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông: I, sinh năm 1960 và bà K, sinh năm 1962; chồng: L, sinh năm 1975, con: Có 02 người, lớn nhất 17 tuổi, nhỏ nhất 7 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thanh C, sinh năm: 1990 tại Bình Định; nơi cư trú: X', xã Y', huyện Z, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông: O, sinh năm 1962 và bà P, sinh năm 1968; vợ: R, sinh năm 1998, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông D - Sinh năm: 1988; Trú tại: K, phường L, thành phố M, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt).

2. Ông E - Sinh năm: 1958; Trú tại: K', TT.L', huyện Z, tỉnh Bình Định. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Bà F - Sinh năm: 1971; Trú tại: I, phường K, thành phố M, tỉnh Bình Định. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Bà G - Sinh năm: 1985; Trú tại: N, thành phố M, tỉnh Bình Định. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Bà H – Giám đốc công ty cổ phần PNLBD; Trú tại: N, phường I, thành phố M, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt).

6. Ông I (đã chết)

7. Ông K, sinh năm 1993; Nơi cư trú: X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Bà L, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

9. Đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn NH; Địa chỉ: S, Phường Q, Tp.Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

10. Đại diện Công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn DG; địa chỉ: Q, phường A, Quận R, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

11. Đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn TL; Địa chỉ: X, phường Q, Quận R, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

12. Đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn TN, Địa chỉ: U, phường T, quận R, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

13. Đại diện Công ty trách nhiệm HM; Địa chỉ: X, phường U, Quận R, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại PD (gọi tắt là Công ty PD), địa chỉ tại K, P. L, TP. M được thành lập ngày 01/6/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (gọi tắt là Giấy CNĐKKD) số 4101444601 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định cấp cho ông D đứng tên chủ sở hữu, là giám đốc công ty và tạm dừng hoạt động từ ngày 31/03/2017.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng XP (gọi tắt là Công ty XP), địa chỉ tại N, P. I, TP. M được thành lập ngày 30/11/2016 theo Giấy CNĐKKD

số 4101476593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định cấp cho ông E đứng tên chủ sở hữu, là giám đốc công ty và tạm dừng hoạt động từ ngày 01/02/2018.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng XD (gọi tắt là Công ty XD), địa chỉ tại U, P. N, TP. M được thành lập ngày 27/11/2017 theo Giấy CNĐKKD số 4101501793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định cấp cho bà F đứng tên chủ sở hữu, là giám đốc công ty và tạm dừng hoạt động từ ngày 10/02/2019.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng XT (gọi tắt là Công ty XT), địa chỉ tại I, P. U, TP. M được thành lập ngày 01/11/2019 theo Giấy CNĐKKD số 4101553061 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định cấp cho ông G' đứng tên chủ sở hữu, là giám đốc công ty.

Tuy nhiên, trên thực tế 04 công ty nêu trên không phải do D, E, F, G' thành lập mà do Nguyễn Thị Minh A lần lượt thành lập, không có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ mà chỉ với mục đích xuất bán hóa đơn GTGT cho các doanh nghiệp, cơ quan, cá nhân có nhu cầu cần hóa đơn kê khai thuế, cụ thể:

Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2020, Nguyễn Thị Minh A gặp Võ Thị Thanh B đang làm kế toán cho Công ty cổ phần GD bàn bạc thống nhất: A trực tiếp thành lập công ty để bán hóa đơn, B làm kế toán cho A và trực tiếp giao dịch, xuất bán hóa đơn cho các doanh nghiệp cần mua hóa đơn với tỷ lệ 6,5% /doanh số hóa đơn với nội dung là vật tư hàng hóa và tỷ lệ 5,5%/doanh số hóa đơn với nội dung là vận chuyển, riêng hóa đơn GTGT để kê khai thuế đầu vào sẽ do A tự liên hệ mua, mỗi quý 03 tháng A trả tiền công cho B 7.000.000 đồng. Ngoài ra, trong trường hợp B thỏa thuận với các đơn vị doanh nghiệp với tỷ lệ cao hơn thì B được hưởng phần chênh lệch. Để thành lập các công ty, A đã phô tô giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của D, E, bà F đưa cho Nguyễn Thanh C làm thủ tục đăng ký thành lập các công ty PD, công ty XP, công ty XD nhưng không lập văn phòng, dán biển hiệu công ty. Sau đó Bình làm thủ tục đăng ký khắc mẫu dấu, đặt in hóa đơn GTGT, mở tài khoản công ty và cất giữ các tập hóa đơn GTGT, dấu công ty, dấu tên giám đốc công ty tại nhà của Bình. Sau khi Bình làm xong các thủ tục, A từ thành phố Hồ Chí Minh về tỉnh Bình Định lấy các tập hóa đơn của các công ty để ký vào hóa đơn, sau đó B đến gặp Bình lấy để thực hiện việc bán hóa đơn. Khi có người cần mua hóa đơn thì liên hệ với B, trên cơ sở nội dung, thông tin người mua và giá trị hàng hóa, dịch vụ cần xuất, B viết vào hóa đơn GTGT, giao hóa đơn và nhận tiền bán hóa đơn do những người này thanh toán. Đến cuối tháng theo yêu cầu của A, trên cơ sở hóa đơn GTGT đã xuất, Bình tổng hợp lên bảng kê từng doanh nghiệp, cá nhân mua hóa đơn, doanh số hóa đơn đã xuất, trong đó tổng hợp xuất nội dung vật tư hàng hóa, nội dung xuất vận chuyển để báo cho A biết, sau đó A từ thành phố Hồ Chí Minh về kiểm tra, đối chiếu với B, nhận tiền bán hóa đơn do B đưa theo tỷ lệ đã thống nhất: 6,5% /doanh số hóa đơn đối với xuất vật tư hàng hóa và 5,5%/doanh số hóa đơn đối với xuất vận chuyển. Đối với hóa đơn có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên theo quy định cần phải thanh toán qua ngân hàng, nên để có chứng từ ngân hàng, nếu là nguồn tiền của A thì A cùng với người mua hóa đơn đến ngân hàng, đưa tiền cho người mua nộp vào tài khoản, rồi lập UNC chuyển tiền vào tài khoản của Công ty PD, Tân Phước, XD và Thanh Tùng nội dung thanh toán tiền hàng, sau đó A rút tiền mặt

lấy lại. Trường hợp không có A thì A đưa tiền cho Bình để Bình cùng với người mua hóa đơn đến ngân hàng làm thủ tục nộp tiền vào tài khoản, chuyển tiền các công ty trên, sau đó Bình rút tiền mặt giao lại cho A. Nếu nguồn tiền là của B thì B trực tiếp đến ngân hàng làm thủ tục, sau đó B rút tiền mặt lấy lại. Nếu B không đi được thì B nói với em của B (K, Võ Thị Phương Thúy) làm thủ tục chứng từ chuyển tiền qua ngân hàng giúp. Ngoài ra, nếu nguồn tiền là của người mua hóa đơn thì sau khi làm thủ tục chuyển tiền, những người này trực tiếp rút tiền mặt lấy lại. Để tránh bị phát hiện, sau khi thành lập một công ty hoạt động bán hóa đơn được khoảng 01 năm thì A cho dừng hoạt động, sau đó thành lập công ty mới để tiếp tục bán hóa đơn.

Đến cuối năm 2019, A dùng bản phô tô công chứng chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông G' gặp nhờ G làm thủ tục mở công ty giúp cho A, sau đó G lấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu phô tô công chứng của Tùng đăng ký thành lập Công ty XT làm thủ tục đăng ký mẫu dấu, in hóa đơn, gắn bảng hiệu công ty. Sau khi làm xong, G giao tập hóa đơn, dấu tên công ty, dấu tên giám đốc cho C giữ theo yêu cầu của A.

Với mục đích thành lập công ty để bán hóa đơn GTGT như trên, từ quý 4/2015 đến quý 2/2020, A, B đã xuất tổng cộng 3.902 hóa đơn với tổng giá trị 219.764.676.466 đồng, có thuế GTGT 21.976.515.164 đồng, thành tiền 241.741.191.630 đồng, trong đó:

- Xuất bán hóa đơn cho 388 doanh nghiệp, cơ quan, cá nhân với tổng doanh số 218.221.548.740 đồng, thuế GTGT 21.822.202.392 đồng, thành tiền 238.024.236.789 đồng theo 3.900 hóa đơn.

- Xuất hóa đơn qua lại cho 02 công ty của A để sử dụng kê khai thuế đầu vào (Công ty PD xuất cho Công ty XP, Công ty XP xuất cho Công ty XD) với tổng doanh số 1.543.127.726 đồng, thuế GTGT 154.312.772 đồng, thành tiền 1.697.440.498 đồng theo 02 hóa đơn. Cụ thể:

- + Công ty PD: Từ quý 4/2015 đến quý 1/2017 đã xuất bán 1.184 hóa đơn với tổng doanh số 50.734.939.661 đồng, thuế GTGT 5.073.490.798 đồng, thành tiền 55.808.430.459 đồng; xuất 01 hóa đơn cho Công ty XP của A kê khai thuế đầu vào doanh số 762.928.690 đồng, thuế GTGT 76.292.869 đồng, thành tiền 839.221.559 đồng.

- + Công ty XP: Từ quý 1/2017 đến quý 1/2018 đã xuất bán 1.124 hóa đơn với tổng doanh số 68.752.777.147 đồng, thuế GTGT 6.875.278.394 đồng, thành tiền 75.628.055.541 đồng; xuất 01 hóa đơn cho Công ty XD của A kê khai thuế đầu vào doanh số 780.199.036 đồng, thuế GTGT 78.019.903 đồng, thành tiền 858.218.939 đồng.

- + Công ty XD: Từ quý 1/2018 đến quý 4/2018 đã xuất 1.246 hóa đơn với giá trị 86.465.241.402 đồng, thuế GTGT 8.646.524.146 đồng, thành tiền 95.111.765.548 đồng.

+ Công ty XT: Từ quý 1/2020 đến quý 2/2020 đã xuất 346 hóa đơn với giá trị 12.268.590.530 đồng, thuế GTGT 1.226.909.054 đồng, thành tiền 13.495.499.584 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành xác minh các doanh nghiệp mua, sử dụng các hóa đơn theo 04 công ty trên, qua xác minh xác định:

- Đối với Công ty cổ phần PNLBD (gọi tắt là Công ty PNLBD), địa chỉ tại N, phường I, thành phố M, có chức năng ngành nghề kinh doanh mua bán cát xây dựng do bà H làm giám đốc. Từ năm 2016 đến năm 2018, Công ty quan hệ mua nguồn cát xây từ Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng tổng hợp TH, địa chỉ tại K', thị trấn L, huyện N, Bình Định để bán cho các đơn vị doanh nghiệp khác. Tuy nhiên, do quá trình mua bán cát xây dựng, Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng tổng hợp TH không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty PNLBD, nên bà H đã liên hệ Võ Thị Thanh B (là người quen biết với bà H) để mua hóa đơn GTGT sử dụng kê khai thuế đầu vào cho Công ty PNLBD. Cụ thể từ tháng 02/2016 đến tháng 12/2018 đã mua 23 hóa đơn theo pháp nhân Công ty PD, Công ty XP, Công ty XD với tổng doanh số 12.129.090.912 đồng, thuế GTGT 1.212.909.089 đồng để sử dụng kê khai báo cáo thuế đầu vào.

- Đối với các doanh nghiệp khác là các công ty xây dựng, qua xác minh các công ty này xác định không biết Nguyễn Thị Minh A, Võ Thị Thanh B, không có quan hệ gì với 04 công ty (Công ty PD, Công ty XP, Công ty XD, Công ty XT). Trong quá trình thi công, sửa chữa các công trình xây dựng, các công ty này đã liên hệ các lái xe ô tô tải ben chuyên mua bán, vận chuyển vật liệu xây dựng để mua nguồn vật tư xây dựng chở đến công trình bán cho các công ty. Các hóa đơn theo 04 công ty trên là do các lái xe này giao cho công ty khi bán vật tư xây dựng, không phải mua hóa đơn để sử dụng kê khai thuế, nên không biết việc 04 công ty này hoạt động bán hóa đơn.

Tổng số tiền bán hóa đơn là 13.889.228.844 đồng (trong đó: Tiền bán hóa đơn xuất nội dung vật tư hàng hóa là 12.265.783.806 đồng, tiền bán hóa đơn xuất nội dung vận chuyển là 1.623.445.037 đồng). Do Công ty PNLBD còn nợ tiền hóa đơn trong tháng 11/2018 số tiền 50.000.000 đồng, nên số tiền bán hóa đơn B thực thanh toán cho A theo 04 công ty trên còn là 13.839.228.844 đồng, gồm:

- Thu tiền bán hóa đơn theo Công ty PD số tiền 3.252.446.345 đồng (tiền xuất vật tư hàng hóa 3.003.160.311 đồng, tiền xuất vận chuyển 249.286.034 đồng).

- Thu tiền bán hóa đơn theo Công ty XP số tiền 4.357.966.176 đồng (tiền xuất vật tư hàng hóa 3.747.662.316 đồng, tiền xuất vận chuyển 610.303.860 đồng).

- Thu tiền bán hóa đơn theo Công ty XD số tiền 5.446.730.750 đồng (tiền xuất vật tư hàng hóa 4.767.426.071 đồng, tiền xuất vận chuyển 679.304.679 đồng).

- Thu tiền bán hóa đơn theo Công ty XT số tiền 782.085.573 đồng (tiền xuất vật tư hàng hóa 697.535.109 đồng, tiền xuất vận chuyển 84.550.464 đồng).

Ngoài ra trong quá trình bán hóa đơn cho Công ty PNLBD, B đã thu tiền bán hóa đơn của công ty này với tỷ lệ 10% theo doanh số hóa đơn, cụ thể B đã xuất bán 23 hóa đơn với tổng doanh số 12.129.090.912 đồng, tiền bán hóa đơn 10% là 1.212.909.089 đồng, thực thu của công ty số tiền 1.162.909.089 đồng (còn nợ 50.000.000 đồng). B thanh toán cho A tỷ lệ 6,5% như đã thống nhất với số tiền 738.390.909 đồng, nên B còn giữ lại số tiền 424.518.180 đồng sử dụng chi phí cá nhân.

Để có hóa đơn GTGT sử dụng kê khai thuế đầu vào cho 04 công ty trên, A đã mua 300 hóa đơn GTGT từ I, đã bị đột quy chết vào tháng 5/2020) theo pháp nhân 21 công ty với tổng doanh số 217.727.569.916 đồng, thuế GTGT 21.772.753.777 đồng, thành tiền 239.500.323.693 đồng. A đã thanh toán cho I tiền mua hóa đơn với số tiền 217.727.569.916 đồng $\times 5,5\% = 11.975.016.345$ đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh các công ty xuất bán hóa đơn nêu trên, nhưng đã xác định có 16 công ty không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh hoặc địa chỉ đăng ký không có thực; mà chỉ có 05 doanh nghiệp đang hoạt động, nhưng qua xác minh xác định các hóa đơn xuất cho 04 công ty của A không phải hóa đơn của 05 công ty này đó là hóa đơn giả. Do I đã chết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xác minh làm rõ được.

Cân đối số tiền A thu được từ việc bán hóa đơn của 04 công ty trên là 13.839.228.844 đồng, số tiền A đã chi thanh toán mua hóa đơn cho I 11.975.016.345 đồng, nên số tiền A được hưởng là 1.864.212.499 đồng, sử dụng chi trả tiền lương kế toán hàng quý cho B số tiền 98.000.000 đồng, chi phí nộp thuế tổng số tiền 27.330.755 đồng và in ấn hóa đơn tổng số tiền 9.102.500 đồng, số còn lại 1.729.779.244 đồng A sử dụng chi phí cho cá nhân.

Tại bản cáo trạng số 51/CT-VKSBD-P1 ngày 23/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Minh A, Võ Thị Thanh B và Nguyễn Thanh C về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn”, trong đó: Nguyễn Thị Minh A bị truy tố theo điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự; Võ Thị Thanh B bị truy tố theo điểm a, d, đ, khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự; Nguyễn Thanh C bị truy tố theo điểm a, d khoản 2 Điều 203 theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định luận tội và đề nghị:

- Về tội danh và hình phạt: Các bị cáo Nguyễn Thị Minh A, Võ Thị Thanh B và Nguyễn Thanh C đồng phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Áp dụng: Điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Minh A từ 24 đến 30 tháng tù.

Áp dụng: Điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Thanh B từ 15 đến 21 tháng tù.

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh C từ 12 đến 15 tháng tù.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Minh A và Võ Thị Thanh B phải nộp lại toàn bộ số tiền đã thu lợi bất chính.

- Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 04 khuôn dấu Công ty PD, Công ty XP, Công ty XD và Công ty XT; 04 khuôn dấu tên giám đốc: D, E, F, G'.

Các bị cáo có ý kiến:

- Bị cáo Nguyễn Thị Minh A, Nguyễn Thanh C không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Võ Thị Thanh B xin phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng*: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến 2020, Nguyễn Thị Minh A đã có hành vi nhờ D, E, F, G' đứng tên lần lượt thành lập 04 công ty với tên đăng ký là: Công ty PD, Công ty XP, Công ty XD và Công ty XT. Các Công ty này không có hoạt động sản xuất, kinh doanh, trao đổi, mua bán hàng hóa, dịch vụ như đã đăng ký với cơ quan nhà nước mà A cùng Võ Thị Thanh B đã ghi khống nội dung hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn GTGT để bán hóa đơn GTGT cho các doanh nghiệp, cơ quan, cá nhân có nhu cầu mua hóa đơn theo tỷ lệ 6,5%/doanh số hóa đơn nội dung xuất vật tư hàng hóa và 5,5%/doanh số hóa đơn nội dung xuất vận chuyển để hưởng lợi. Cụ thể thông qua 04 công ty này, A và B đã bán 3.900 hóa đơn với tổng doanh số theo hóa đơn 218.221.548.740 đồng, thu tiền bán hóa đơn với tổng số tiền 13.839.228.844 đồng, sau khi chi trả tiền mua hóa đơn cho I kê khai thuế đầu vào số tiền 11.975.016.345 đồng, còn lại số tiền 1.864.212.499 đồng A dùng cho việc chi phí hoạt động và chiếm đoạt.

Đối với Võ Thị Thanh B: Mặc dù biết việc làm của A là vi phạm pháp luật nhưng vẫn trực tiếp thực hiện việc bán hóa đơn cho các công ty của A như tìm khách hàng mua hóa đơn, ghi xuất bán hóa đơn từ các công ty nêu trên, được A chi trả tiền công là 98.000.000 đồng nên Võ Thị Thanh B phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức cho A. Ngoài ra, qua việc bán hóa đơn cho Công ty PNLBD, B đã thu 10% nhưng chỉ thanh toán cho A 6,5%, còn hưởng lợi 3,5% với số tiền 424.518.180 đồng nên phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền nêu trên.

Đối với Nguyễn Thanh C: Bị cáo C có quan hệ họ hàng với bị cáo A nên đã có hành vi làm giúp các thủ tục giúp A thành lập các Công ty PD, Công ty XP, Công ty XD và làm các thủ tục đăng ký mẫu dấu công ty, in hóa đơn GTGT, mở tài khoản công ty. Bị cáo C biết việc bị cáo A thành lập Công ty mục đích để mua bán trái phép hóa đơn nhưng vẫn giúp bị cáo A quản lý, cất giữ con dấu, tập hóa đơn của các Công ty của A, tạo điều kiện thuận lợi cho A cùng với B thực hiện việc bán hóa đơn. Ngoài ra, hàng tháng trên cơ sở các hóa đơn đã xuất bán, C còn tổng hợp số liệu doanh số hóa đơn để làm cơ sở cho A đối chiếu, thanh toán tiền bán hóa đơn với B nên C phải chịu trách nhiệm hình sự cùng A, B với vai trò đồng phạm giúp sức.

Bản cáo trạng số 51/CT-VKSBD -P1 ngày 23/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Minh A, Võ Thị Thanh B và Nguyễn Thanh C về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn” như cáo trạng đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:* Hành vi do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về chế độ quản lý đối với các loại hóa đơn, góp phần gây thất thoát tiền thuế của nhà nước, nên cần xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội thời gian tương xứng với tính chất nguy hiểm do hành vi từng bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[4] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.
- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm vào tình tiết “Phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo Nguyễn Thị Minh A đã nộp 50.000.000đ tiền thu lợi bất chính; bị cáo Võ Thị Thanh B đã nộp 200.000.000đ tiền thu lợi bất chính nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Bị cáo B đã nộp được $\frac{1}{2}$ số tiền thu lợi bất chính; có điều kiện kinh tế xin được xử bằng hình phạt tiền do đó HĐXX chấp nhận.

[5] *Các biện pháp tư pháp:*

[5.1] Trong quá trình thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn bị cáo Nguyễn Thị Minh A thu lợi 1.864.212.499 đồng, Võ Thị Thanh B đã thu lợi 424.518.180 đồng, đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Bị cáo A đã nộp lại số tiền 50.000.000 đồng và bị cáo B đã nộp lại số tiền 200.000.000 đồng nên tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5.2] Cơ quan CSĐT đã thu giữ trong quá trình điều tra: 04 khuôn dấu Công ty PD, Công ty XP, Công ty XD và Công ty XT; 04 khuôn dấu tên giám đốc: D, E, F, G'. Đây là các tài liệu chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên lưu vào hồ sơ vụ án.

[6] *Các vấn đề khác*: HĐXX xét thấy cần làm rõ một số vấn đề trong vụ án và đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung những vấn đề sau đây:

1/ Điều tra làm rõ hành vi mua hóa đơn trái phép để sử dụng của các doanh nghiệp đã mua hóa đơn của Nguyễn Thị Minh A. Hành vi mua hóa đơn của Công ty PNLBD do bà H làm giám đốc đã mua 23 hóa đơn GTGT với doanh số 12.129.090.912 đồng, có thuế GTGT 1.212.909.089đ để sử dụng kê khai thuế đầu vào cho công ty là có dấu hiệu đồng phạm. Nếu Cơ quan điều tra tách hành vi này ra để điều tra thì phải có quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

2/ Điều tra làm rõ hành vi bán hóa đơn trái phép của 05 công ty tại thành phố Hồ Chí Minh.

Viện kiểm sát có công văn phúc đáp yêu cầu điều tra bổ sung số 1312/CV-VKS-P1 ngày 15/10/2021, theo đó giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng số 51/CT-VKSBD-P1 ngày 23/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã truy tố.

Do đó căn cứ Điều 298 BLTTHS quy định về giới hạn của việc xét xử chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà VKS đã truy tố. Đồng thời kiến nghị cấp có thẩm quyền làm rõ các vấn đề trên.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu theo quy định của BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Minh A, Võ Thị Thanh B và Nguyễn Thanh C đều phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Áp dụng: Điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Minh A 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng: Điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 của BLHS.

- Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Võ Thị Thanh B 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng: Điểm a, d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh C 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

[2]. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Minh A phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.864.212.499 đồng; bị cáo Võ Thị Thanh B phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 424.518.180 đồng vào ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị Minh A và 200.000.000 đồng của bị cáo Võ Thị Thanh B đã nộp để đảm bảo thi hành án. (Theo biên lai thu tiền số 0000050 ngày 18.10.2021, 0000049 ngày 18.10.2021 và 0000551 ngày 22.10.2021 tại Cục THADS tỉnh Bình Định).

- Lưu vào hồ sơ vụ án: 04 khuôn dấu công ty PD, công ty XP, Công ty XD và công ty XT; 04 khuôn dấu tên giám đốc: D, E, F, G'. (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa VKSND tỉnh Bình Định và TAND tỉnh Bình Định ngày 15.10.2021)

[3]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị Minh A, Võ Thị Thanh B và Nguyễn Thanh C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

[4]. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo và những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan THAHS&HTTP CA tỉnh Bình Định;
- Cơ quan HSNV CA tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Phòng KTNV&THA tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Bình